# TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HƯỚNG NGHIỆP CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

**Lê Anh Phương**
**Trường Trung học phổ thông Tô Hiệu, Hà Nội**
**Email: leanhphuongtoan1976@gmail.com**
**Đào Văn Chung**
**Trường Trung học phổ thông Tô Hiệu, Hà Nội**
**Email: chungnhanchinh@gmail.com**

***Tóm tắt:*** *Nghiên cứu khảo sát tổ chức hoạt động hướng nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số và đề xuất biện pháp. Khảo sát được thực hiện tại Trường THPT Tô Hiệu, Hà Nội, với khoảng 250 học sinh, cán bộ quản lý và giáo viên. Dữ liệu được xử lý bằng điểm trung bình và độ lệch chuẩn. Kết quả cho thấy hoạt động hướng nghiệp đa dạng nhưng còn thiên về cung cấp thông tin và tổ chức theo sự kiện. Công nghệ số hỗ trợ học liệu, truyền thông và hoạt động trực tuyến; quản trị dữ liệu, theo dõi tiến trình và cá nhân hóa hạn chế. Các biện pháp đề xuất tập trung vào xây dựng lộ trình, phát triển dữ liệu, đa dạng hóa phương thức, nâng cao năng lực đội ngũ, tăng cường phối hợp và đổi mới đánh giá trong nhà trường.*

***Từ khóa:*** *tổ chức hoạt động hướng nghiệp; học sinh trung học phổ thông; chuyển đổi số; quản lý giáo dục; hướng nghiệp số.*

# ORGANIZING CAREER GUIDANCE ACTIVITIES FOR HIGH SCHOOL STUDENTS IN THE CONTEXT OF DIGITAL TRANSFORMATION

***Abstract:*** *This study examines the organization of career guidance activities in the context of digital transformation and proposes measures for improvement. A descriptive survey was conducted at To Hieu High School, Hanoi, with approximately 250 students, educational administrators, and teachers. Data were analyzed using means and standard deviations. The findings indicate that career guidance activities were diverse but remained oriented toward information provision and event-based delivery. Digital technologies supported learning resources, communication, and online activities; however, data governance, progress monitoring, and personalized support remained limited. The proposed measures focus on developing a coherent career guidance pathway, strengthening digital data systems, diversifying delivery methods, enhancing staff capacity, improving stakeholder coordination, and reforming evaluation practices.*

***Keywords:*** *organization of career guidance activities; high school students; digital transformation; educational management; digital career guidance.*

*Nhận bài: 29/06/2026 Phản biện: 22/07/2026 Duyệt đăng: 27/07/2026*

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hoạt động hướng nghiệp ở trường trung học phổ thông có vai trò hỗ trợ học sinh nhận thức bản thân, tìm hiểu thế giới nghề nghiệp và lựa chọn lộ trình học tập phù hợp. Trước sự biến đổi nhanh chóng của cơ cấu nghề nghiệp và yêu cầu năng lực trên thị trường lao động, hướng nghiệp không thể chỉ dừng ở việc cung cấp thông tin tuyển sinh hoặc tư vấn theo từng thời điểm. Hoạt động này cần được tổ chức như một quá trình giáo dục liên tục, gắn kết giữa hiểu biết bản thân, trải nghiệm nghề nghiệp và năng lực tự định hướng của học sinh.

Chuyển đổi số mở ra khả năng mở rộng không gian, đa dạng hóa phương thức và cá nhân hóa hoạt động hướng nghiệp thông qua nền tảng trực tuyến, cơ sở dữ liệu nghề nghiệp, công cụ đánh giá năng lực, học liệu số và hoạt động tư vấn từ xa. Theo OECD (2024), công nghệ số có thể góp phần nâng cao tính hiệu quả, khả năng tiếp cận và mức độ công bằng của dịch vụ hướng nghiệp. Tuy nhiên, việc sử dụng công nghệ không tự động tạo ra chất lượng; hiệu quả còn phụ thuộc vào cách thức tổ chức, năng lực của đội ngũ, độ tin cậy của thông tin, khả năng bảo vệ dữ liệu và mức độ tiếp cận công nghệ của học sinh.

Ở Việt Nam, Quyết định số 131/QĐ-TTg đã xác định định hướng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục đến năm 2030. Đồng thời, Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT đặt ra những yêu cầu cụ thể hơn đối với hoạt động hướng nghiệp và phân luồng trong cơ sở giáo dục. Mặc dù vậy, chuyển hóa các yêu cầu chính sách thành quy trình tổ chức phù hợp ở cấp trường vẫn là vấn đề cần được nghiên cứu, đặc biệt về lập kế hoạch, phân công nhân sự, phối hợp các lực lượng, huy động nguồn lực số, theo dõi và cải tiến hoạt động.

Từ những yêu cầu trên, nghiên cứu nhằm hệ thống hóa cơ sở lý luận; khảo sát thực trạng tổ chức hoạt động hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh chuyển đổi số; nhận

diện những yếu tố thúc đẩy, rào cản và nguyên nhân của các hạn chế; từ đó đề xuất các biện pháp tổ chức có cơ sở khoa học, phù hợp với điều kiện thực tiễn và góp phần nâng cao chất lượng hướng nghiệp trong nhà trường.

## II. CƠ SỞ LÝ LUẬN

### 2.1. Khái niệm và cấu trúc của hoạt động hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông

Trong khoa học giáo dục, hướng nghiệp được hiểu rộng hơn việc cung cấp thông tin tuyển sinh hoặc tư vấn lựa chọn ngành học. Theo Cedefop (2026), hướng nghiệp là quá trình liên tục giúp cá nhân nhận diện năng lực, phẩm chất và hứng thú; đưa ra quyết định có căn cứ về giáo dục, đào tạo và nghề nghiệp; đồng thời quản lý lộ trình học tập và việc làm của bản thân. Quan niệm này nhấn mạnh tính phát triển, tính liên tục và vai trò chủ động của người được hướng nghiệp. Đối với học sinh trung học phổ thông, hướng nghiệp cần được thực hiện như một quá trình giáo dục có hệ thống, thay vì những hoạt động riêng lẻ diễn ra chủ yếu trước các kỳ tuyển sinh.

Hoạt động hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông là quá trình giáo dục có mục đích do nhà trường chủ trì, phối hợp với gia đình và các lực lượng xã hội nhằm tổ chức cho học sinh khám phá bản thân, tìm hiểu thế giới nghề nghiệp, trải nghiệm thực tiễn và phát triển năng lực ra quyết định, lập kế hoạch, quản lý lộ trình học tập và nghề nghiệp phù hợp với đặc điểm cá nhân và yêu cầu của xã hội.

Về phương diện cấu trúc, hoạt động hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông bao gồm các thành tố cơ bản sau:

Mục tiêu hoạt động là giúp học sinh hình thành nhận thức về bản thân, hiểu biết về nghề nghiệp và các lộ trình giáo dục; đồng thời phát triển năng lực tìm kiếm thông tin, ra quyết định, lập kế hoạch và thích ứng với những thay đổi của môi trường học tập, lao động. Vì vậy, kết quả hướng nghiệp không nên chỉ được đánh giá bằng việc học sinh đã lựa chọn được một ngành học cụ thể hay chưa.

Chủ thể và lực lượng tham gia gồm cán bộ quản lý, giáo viên, giáo viên chủ nhiệm, nhân sự phụ trách hướng nghiệp, cha mẹ học sinh, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, doanh nghiệp và chuyên gia. Nhà trường giữ vai trò chủ trì, trong khi các lực lượng liên quan tham gia cung cấp thông tin, tư vấn và hỗ trợ trải nghiệm nghề nghiệp.

Nội dung hoạt động gồm bốn nhóm chính: giáo dục hướng nghiệp và phát triển năng lực quản lý nghề nghiệp; cung cấp thông tin về ngành nghề, thị trường lao động và lộ trình đào tạo; tư vấn hướng nghiệp cá nhân hoặc theo nhóm; tổ chức tiếp xúc, trải nghiệm với thế giới nghề nghiệp. Cách phân chia này phù hợp với cấu trúc hướng nghiệp toàn diện Mann và cộng sự (2020).

Phương thức tổ chức gồm tích hợp hướng nghiệp trong môn học và hoạt động giáo dục; tổ chức chuyên đề, tư vấn, tham quan, trải nghiệm, giao lưu với chuyên gia; khai thác học liệu, nền tảng và công cụ số.

Điều kiện thực hiện và kết quả đầu ra gồm đội ngũ, thời gian, kinh phí, cơ sở dữ liệu, học liệu, hạ tầng công nghệ, cơ chế phối hợp và hoạt động đánh giá. Kết quả được thể hiện qua nhận thức bản thân, hiểu biết nghề nghiệp, năng lực lựa chọn và khả năng xây dựng kế hoạch nghề nghiệp của học sinh.

### 2.2. Chuyển đổi số trong hoạt động hướng nghiệp ở trường trung học phổ thông

Chuyển đổi số cần được phân biệt với số hóa và ứng dụng công nghệ thông tin. Số hóa là quá trình chuyển đổi thông tin từ dạng truyền thống sang dữ liệu số; ứng dụng công nghệ thông tin là sử dụng các công cụ số để hỗ trợ quy trình hiện có; còn chuyển đổi số tạo ra sự thay đổi có tính hệ thống đối với phương thức tổ chức, tương tác và cung cấp dịch vụ. Theo Vial (2019), chuyển đổi số là quá trình sử dụng kết hợp các công nghệ số nhằm tạo ra những thay đổi đáng kể đối với đặc tính và hoạt động của tổ chức. Vì vậy, việc đăng tải thông tin tuyển sinh trên website hoặc tổ chức một số buổi tư vấn trực tuyến chưa phản ánh đầy đủ bản chất của chuyển đổi số trong hướng nghiệp. Chuyển đổi số trong hoạt động hướng nghiệp ở trường trung học phổ thông được hiểu là quá trình tái cấu trúc có chủ đích hoạt động hướng nghiệp trên cơ sở tích hợp công nghệ, dữ liệu và môi trường số vào việc thiết kế, tổ chức thực hiện, phối hợp, hỗ trợ học sinh và đánh giá kết quả nhằm nâng cao khả năng tiếp cận, mức độ cá nhân hóa, tính liên tục và hiệu quả của hoạt động hướng nghiệp. Công nghệ số là phương tiện đổi mới hoạt động, còn mục tiêu cốt lõi vẫn là phát triển năng lực tự định hướng và quản lý nghề nghiệp của học sinh. Công nghệ số là phương tiện đổi mới hoạt động, còn mục tiêu cốt lõi vẫn là phát triển năng lực tự định hướng và quản lý nghề nghiệp của học sinh.

Chuyển đổi số trong hoạt động hướng nghiệp được biểu hiện trên bốn phương diện cơ bản. Thứ nhất, chuyển đổi nguồn thông tin và dữ liệu thông qua xây dựng, cập nhật và khai thác cơ sở dữ liệu về ngành nghề, cơ sở đào tạo, yêu cầu năng lực và xu hướng thị trường lao động. Thứ hai, chuyển đổi phương thức cung cấp hoạt động hướng nghiệp bằng các công cụ tự đánh giá trực tuyến, học liệu đa phương tiện, tư vấn từ xa, hội thảo trực tuyến và kết nối số với chuyên gia, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp. Thứ ba, chuyển đổi phương thức tổ chức và phối hợp, trong đó nền tảng số hỗ trợ phân công nhiệm vụ, chia sẻ nguồn lực và duy trì sự tham gia của nhà trường, gia đình cùng các lực lượng xã hội. Thứ tư, chuyển đổi hoạt động theo dõi và hỗ trợ cá nhân thông qua hồ sơ hướng nghiệp điện tử, dữ liệu phản hồi và kết quả tham gia của học sinh.

Công nghệ số có thể mở rộng phạm vi tiếp cận, giảm giới hạn về thời gian và không gian, nâng cao tính kịp thời của thông tin và hỗ trợ cá nhân hóa hoạt động hướng nghiệp. OECD (2024) cho rằng công nghệ số có tiềm năng nâng cao hiệu quả, hiệu suất và tính công bằng của dịch vụ hướng nghiệp. Tuy nhiên, các giá trị này không tự động hình thành từ việc đầu tư thiết bị hoặc phần mềm mà phụ thuộc vào chất lượng thiết kế hoạt động, dữ liệu, năng lực của đội ngũ và điều kiện tiếp cận của học sinh.

Chuyển đổi số cũng đặt ra những vấn đề về độ tin cậy của thông tin, khoảng cách số, bảo mật dữ liệu cá nhân, thiên lệch của thuật toán và nguy cơ phụ thuộc vào tư vấn tự động. Do đó, quá trình này cần bảo đảm định hướng chiến lược, hạ tầng phù hợp, năng lực số của cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh, cơ chế kiểm chứng dữ liệu, bảo vệ quyền riêng tư và đánh giá thường xuyên. Hoạt động trực tuyến cần được kết hợp với tư vấn trực tiếp và trải nghiệm nghề nghiệp thực tế; công nghệ giữ vai trò hỗ trợ, không thay thế hoàn toàn tương tác giáo dục.

### 2.3. Khung phân tích tổ chức hoạt động hướng nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số

Trên cơ sở quan niệm hoạt động hướng nghiệp là một quá trình giáo dục có cấu trúc và chuyển đổi số là sự thay đổi có tính hệ thống trong phương thức vận hành của tổ chức (Vial, 2019), nghiên cứu xây dựng khung phân tích theo tiếp cận hệ thống. Khung này xem xét sự tương tác giữa điều kiện đầu vào, quá trình tổ chức và kết quả gần của hoạt động hướng nghiệp; đồng thời đặt các thành tố trên trong mối quan hệ với bối cảnh quản lý giáo dục và mức độ chuyển đổi số của nhà trường. Việc tích hợp công nghệ được đánh giá dựa trên khả năng cải thiện tính tiếp cận, liên tục, cá nhân hóa và công bằng của hoạt động hướng nghiệp, thay vì chỉ căn cứ vào số lượng thiết bị hoặc phần mềm được sử dụng (OECD, 2024).

Trong khung phân tích, quá trình tổ chức là nội dung trung tâm, được cụ thể hóa thành sáu phương diện. Kết quả gần cùng các yếu tố bối cảnh được sử dụng để giải thích thực trạng, nhưng không mặc nhiên được xem là bằng chứng về quan hệ nhân quả. Các thành tố và chỉ báo của khung phân tích được trình bày tại Bảng 1.

**Bảng 1. Khung phân tích tổ chức hoạt động hướng nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số**

| Phương diện phân tích | Nội dung và chỉ báo phân tích chủ yếu |
|---|---|
| Xác định mục tiêu và thiết kế hoạt động hướng nghiệp | Mục tiêu phù hợp với nhu cầu hướng nghiệp của học sinh; kế hoạch được xây dựng theo khối lớp; nội dung, hình thức và công nghệ được lựa chọn phù hợp; tiến độ, trách nhiệm và kết quả dự kiến được xác định cụ thể; mục tiêu hướng đến phát triển năng lực tự định hướng nghề nghiệp, không chỉ phục vụ tuyển sinh. |
| Tổ chức nội dung và phương thức hướng nghiệp có tích hợp công nghệ số | Tổ chức hoạt động khám phá bản thân, cung cấp thông tin nghề nghiệp, tư vấn, trải nghiệm và lập kế hoạch nghề nghiệp; khai thác cơ sở dữ liệu, học liệu và công cụ số; kết hợp hoạt động trực tiếp, trực tuyến và hỗn hợp; mức độ sử dụng công nghệ phù hợp với mục tiêu giáo dục. |
| Phân công và phối hợp các lực lượng tham gia | Phân định trách nhiệm của cán bộ quản lý, giáo viên, giáo viên chủ nhiệm và nhân sự phụ trách hướng nghiệp; phối hợp giữa nhà trường với gia đình, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp và chuyên gia; sử dụng nền tảng số để trao đổi thông tin, kết nối và chia sẻ nguồn lực. |

| | |
|---|---|
| **Huy động và sử dụng nguồn lực phục vụ hoạt động hướng nghiệp** | Năng lực chuyên môn và năng lực số của đội ngũ; hạ tầng công nghệ; học liệu và cơ sở dữ liệu hướng nghiệp; thời gian, kinh phí và hỗ trợ kỹ thuật; mức độ phù hợp và hiệu quả trong phân bổ, khai thác nguồn lực. |
| **Tổ chức sự tham gia và hỗ trợ cá nhân hóa học sinh** | Cơ hội tiếp cận hoạt động của học sinh; mức độ chủ động và thường xuyên tham gia; thu thập thông tin về năng lực, hứng thú và nguyện vọng; phân nhóm nhu cầu; cung cấp nội dung và tư vấn phù hợp; hỗ trợ học sinh có điều kiện tiếp cận công nghệ khác nhau. |
| **Theo dõi, đánh giá và cải tiến hoạt động** | Thu thập dữ liệu về mức độ tham gia và phản hồi; đánh giá mức độ đạt mục tiêu; sử dụng hồ sơ hướng nghiệp điện tử; bảo đảm an toàn và bảo mật dữ liệu cá nhân; sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh mục tiêu, nội dung và phương thức tổ chức. |
| **Kết quả gần của hoạt động hướng nghiệp** | Mức độ tiếp cận và tham gia của học sinh; mức độ phù hợp và hữu ích được cảm nhận; sự cải thiện trong nhận thức bản thân, hiểu biết nghề nghiệp, tìm kiếm thông tin, lựa chọn và xây dựng kế hoạch học tập, nghề nghiệp. |
| **Các yếu tố bối cảnh và điều kiện ảnh hưởng** | Chính sách và quy định về hướng nghiệp, chuyển đổi số; năng lực lãnh đạo; nhận thức và năng lực của đội ngũ; hạ tầng, dữ liệu và tài chính; cơ chế phối hợp nhà trường – gia đình – cơ sở đào tạo – doanh nghiệp; đặc điểm và năng lực số của học sinh. |

## III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng thiết kế hỗn hợp cắt ngang, kết hợp khảo sát định lượng với phỏng vấn bán cấu trúc. Nghiên cứu được thực hiện tại Trường THPT Tô Hiệu, thành phố Hà Nội. Khoảng 250 người tham gia gồm 240 học sinh khối 10, 11 và 12 được chọn ngẫu nhiên phân tầng theo khối lớp và 10 cán bộ quản lý, giáo viên được chọn có chủ đích. Phiếu hỏi sử dụng thang Likert 5 mức, dữ liệu được xử lý bằng thống kê mô tả. Tần suất và tỷ lệ phần trăm được sử dụng để mô tả đặc điểm mẫu; điểm trung bình và độ lệch chuẩn được sử dụng để phản ánh mức độ đánh giá đối với từng nội dung và phương diện. Điểm trung bình cao hơn biểu thị mức đánh giá tích cực hơn; độ lệch chuẩn phản ánh mức độ phân tán của ý kiến. Nghiên cứu không sử dụng kiểm định khác biệt, phân tích tương quan hoặc suy luận nhân quả. Người tham gia được bảo đảm sự tự nguyện, quyền rút lui, tính ẩn danh và bảo mật dữ liệu.

## IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 4.1. Thực trạng tổ chức hoạt động hướng nghiệp theo khung phân tích

Mục tiêu hướng nghiệp bước đầu gắn với yêu cầu hỗ trợ học sinh lựa chọn ngành học và nghề nghiệp. Tuy nhiên, mục tiêu còn khái quát, chưa được cụ thể hóa theo đặc điểm, nhu cầu của từng khối lớp và chưa hình thành lộ trình hướng nghiệp liên tục từ lớp 10 đến lớp 12. Một số hoạt động vẫn được thiết kế theo từng thời điểm hoặc sự kiện riêng lẻ.

Về nội dung và phương thức, nhà trường đã tổ chức các hoạt động khám phá bản thân, cung cấp thông tin nghề nghiệp, tư vấn và trải nghiệm. Hình thức triển khai tương đối đa dạng, có sự kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến. Tuy nhiên, hoạt động vẫn thiên về cung cấp thông tin chung; tư vấn chuyên sâu, trải nghiệm thực tiễn và hỗ trợ lập kế hoạch nghề nghiệp cá nhân chưa thường xuyên. Việc phân công trách nhiệm cho cán bộ quản lý, giáo viên chủ nhiệm và giáo viên liên quan đã được thực hiện, nhưng cơ chế phối hợp giữa các lực lượng trong và ngoài trường chưa thật sự ổn định.

Nhà trường đã huy động cơ sở vật chất, nền tảng số, đội ngũ giáo viên và sự hỗ trợ của các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp. Dù vậy, nhân sự hướng nghiệp chủ yếu làm việc kiêm nhiệm; học liệu và dữ liệu nghề nghiệp còn phân tán; hoạt động bồi dưỡng năng lực hướng nghiệp và năng lực số cho đội ngũ chưa được tiến hành thường xuyên. Hoạt động chủ yếu tổ chức theo lớp, khối hoặc toàn trường nên tạo được khả năng tiếp cận rộng, nhưng việc phân nhóm nhu cầu và hỗ trợ cá nhân hóa còn hạn chế.

Công tác theo dõi, đánh giá chủ yếu tập trung vào tiến độ triển khai, số lượng người tham gia và phản hồi sau hoạt động. Việc đánh giá sự thay đổi về nhận thức, năng lực lựa chọn và kế hoạch nghề nghiệp của học sinh chưa rõ nét; kết quả đánh giá chưa được khai thác đầy đủ để điều chỉnh hoạt động. Nhìn chung, hoạt động hướng nghiệp đã có nền tảng tổ chức ban đầu nhưng còn thiếu tính hệ thống, liên tục, cá nhân hóa và dựa trên dữ liệu.

**4.2. Biện pháp tổ chức hoạt động hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh chuyển đổi số**

Xây dựng kế hoạch hướng nghiệp theo lộ trình từ lớp 10 đến lớp 12. Nhà trường cần khảo sát nhu cầu của học sinh, xác định mục tiêu theo từng khối lớp và thiết kế chuỗi hoạt động có tính kế thừa. Lớp 10 tập trung khám phá bản thân và thế giới nghề nghiệp; lớp 11 tăng cường trải nghiệm, đối chiếu năng lực với yêu cầu nghề; lớp 12 chú trọng ra quyết định và xây dựng kế hoạch sau tốt nghiệp.

Xây dựng hệ thống dữ liệu và học liệu hướng nghiệp số. Nhà trường cần lựa chọn các nguồn thông tin đáng tin cậy về ngành nghề, cơ sở đào tạo, thị trường lao động và tổ chức thành kho học liệu dùng chung. Hồ sơ hướng nghiệp điện tử nên được xây dựng để lưu trữ kết quả tự đánh giá, trải nghiệm, mục tiêu và kế hoạch của học sinh, đồng thời bảo đảm phân quyền truy cập và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Đa dạng hóa nội dung và phương thức tổ chức theo mô hình kết hợp. Hoạt động trực tiếp cần được kết nối với học liệu, tư vấn và chuyên đề trực tuyến. Bên cạnh hoạt động toàn trường, nhà trường cần tăng cường tư vấn cá nhân, tư vấn theo nhóm nhu cầu, tham quan doanh nghiệp, trải nghiệm nghề nghiệp và kết nối với chuyên gia.

Hoàn thiện cơ chế phân công và phối hợp các lực lượng. Nhà trường cần xác định rõ trách nhiệm của cán bộ quản lý, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn và nhân sự phụ trách hướng nghiệp. Việc phối hợp với cha mẹ học sinh, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp và chuyên gia cần được thực hiện theo kế hoạch, có nội dung, thời gian và trách nhiệm cụ thể, thay vì chỉ liên hệ khi tổ chức sự kiện.

Phát triển năng lực đội ngũ và bảo đảm các nguồn lực thực hiện. Cán bộ quản lý, giáo viên cần được bồi dưỡng về tư vấn hướng nghiệp, khai thác dữ liệu, sử dụng công cụ số, kiểm chứng thông tin và bảo vệ quyền riêng tư. Nhà trường đồng thời cần bố trí thời gian, kinh phí, thiết bị và hỗ trợ kỹ thuật, chú ý đến những học sinh có điều kiện tiếp cận công nghệ hạn chế.

Đổi mới theo dõi, đánh giá và cải tiến hoạt động hướng nghiệp. Đánh giá không chỉ dựa trên số lượng hoạt động hoặc mức độ tham gia mà cần xem xét sự thay đổi về nhận thức bản thân, hiểu biết nghề nghiệp, năng lực lựa chọn và kế hoạch của học sinh. Phản hồi và dữ liệu đánh giá cần được sử dụng để điều chỉnh nội dung, phân nhóm nhu cầu và cải tiến kế hoạch theo từng học kỳ.

**V. KẾT LUẬN**

Kết quả nghiên cứu cho thấy tổ chức hoạt động hướng nghiệp đang chuyển từ mô hình cung cấp thông tin theo sự kiện sang tiếp cận có hệ thống và tích hợp công nghệ. Mặc dù công nghệ số đã góp phần mở rộng khả năng tiếp cận và đa dạng hóa phương thức tổ chức, mức độ chuyển đổi còn hạn chế ở quản trị dữ liệu, theo dõi tiến trình và cá nhân hóa sự hỗ trợ. Chất lượng hoạt động không phụ thuộc đơn thuần vào việc sử dụng công nghệ mà được quyết định bởi sự thống nhất giữa mục tiêu, nội dung, lực lượng tham gia, nguồn lực và cơ chế đánh giá.

Vì vậy, nhà trường cần xây dựng lộ trình hướng nghiệp liên tục, phát triển hệ thống dữ liệu an toàn, kết hợp hoạt động trực tiếp với trực tuyến, nâng cao năng lực đội ngũ và tăng cường phối hợp các bên liên quan. Do nghiên cứu mang tính mô tả và được thực hiện tại một trường, kết quả chỉ cung cấp bằng chứng theo trường hợp, chưa cho phép suy rộng hoặc xác lập quan hệ nhân quả.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2026). Thông tư số 16/2026/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 3 năm 2026 quy định về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục. https://moet.gov.vn/van-ban/van-ban-quy-pham-phap-luat/thong-tu-quy-dinh-ve-huong-nghiep-va-phan-luong-trong-giao-duc.html

Cedefop. (2026). Lifelong guidance. https://www.cedefop.europa.eu/en/tools/vet-glossary/glossary/lebensbegleitende-beratung-lebenslange-beratung

Mann, A., Denis, V., & Percy, C. (2020). Career ready? How schools can better prepare young people for working life in the era of COVID-19 (OECD Education Working Papers No. 241). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/e1503534-en

OECD. (2024). Digital technologies in career guidance for youth: Opportunities and challenges (OECD Education Policy Perspectives No. 113). OECD Publishing. https://doi.org/10.1787/c9ab23da-en

Thủ tướng Chính phủ. (2022). Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2022 phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022–2025, định hướng đến năm 2030". https://vanban.chinhphu.vn/?classid=2&docid=205236&pageid=27160

Vial, G. (2019). Understanding digital transformation: A review and a research agenda. The Journal of Strategic Information Systems, 28(2), 118–144. https://doi.org/10.1016/j.jsis.2019.01.003